

TƯƠNG LAI HOÀN THÀNH

CÔNG THỨC

Dạng câu	Cấu trúc
Khẳng định	S+will+have+V3/ed+O+...
Phủ định	S+will+not+have+V3/ed+O+... (viết tắt: won't+have+V3/ed)
Câu hỏi Yes-No	Will+S+have+V3/ed+O+...?
	Yes,S+will./No,S+won't.
Câu hỏi Wh-	What/Where/When/Why/How+will+S+have+V3/ed+O+...?
Câu hỏi Wh- với từ hỏi làm chủ ngữ	Who/What+will+have+V3/ed+O+...?

CÁCH DÙNG

Diễn tả một hành động sẽ được hoàn thành (kết thúc) trước một thời điểm cụ thể hoặc trước một hành động khác trong tương lai. Hành động này bắt đầu trong quá khứ, hiện tại, hoặc tương lai và kết thúc tại một thời điểm xác định trong tương lai.

Ví dụ: "By next May, I will have graduated from university."

Diễn tả một giả định/ước đoán về một hành động đã xảy ra trong quá khứ (dùng với các trạng từ như \$probably, likely\$).

Ví dụ: "They will probably have arrived at the airport by now."

DẤU HIỆU NHẬN BIẾT

Các cụm từ chỉ thời gian thường đi kèm:

- **By + mốc thời gian trong tương lai (trước...):**
 - *Ví dụ: By 2030, By tomorrow, By the end of this year.*
- **By the time + S + V (hiện tại đơn) (trước khi...):**
 - *Ví dụ: By the time you get home, I will have finished cooking.*
- **Before + mốc thời gian/S + V (hiện tại đơn) (trước...):**

- Ví dụ: *Before next week.*
- **When + S + V (hiện tại đơn) (khi...):**
 - Ví dụ: *When we meet again, he will have left the country.*

BÀI TẬP

Bài tập 1: Chia động từ ở thì Tương lai hoàn thành (Khẳng định và Phủ định)

Chia động từ trong ngoặc ở thì Tương lai hoàn thành (will + have + V3/ed).

1. By the time the bus arrives, we _____ (wait) for an hour.
2. She _____ (finish) her presentation before 5 PM.
3. We _____ (not clean) the entire house before the guests come.
4. By next month, the construction company _____ (build) 10 new apartments.
5. I hope I _____ (save) enough money for a trip by Christmas.
6. He _____ (not return) from his business trip by Friday morning.
7. By 2040, people _____ (discover) a cure for the common cold.
(Dự đoán)
8. My parents _____ (live) in this city for 30 years next July.
9. By the end of this week, they _____ (write) the first chapter.
10. The children _____ (not eat) all the cookies by the time you get home.

Bài tập 2: Đặt câu hỏi và trả lời ngắn với Tương lai hoàn thành

Đặt câu hỏi Yes/No cho các câu sau và trả lời ngắn theo gợi ý trong ngoặc. →

1. They will have completed the merger by the end of the year. (Yes)
→ _____?
→ _____.
2. She will have read the entire book before the deadline. (No)
→ _____?
→ _____.
3. We will have sold the old car by tomorrow. (Yes)
→ _____?
→ _____.
4. The chef will have prepared dinner by the time the movie starts. (No)
→ _____?
→ _____.